UBND TỈNH LÀO CAI **SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2097 /SNN-KH V/v hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc các CT MTQG đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai	*Lào Cai, ngày 04 tháng 10 năm 2023*

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- Các tổ chức Hội, Đoàn thể trên địa bàn tỉnh;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở NN&PTNT.

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 17/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1 từ năm 2021-2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung, mức chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai về sửa đổi một số khoản tại Điều 3 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số nội dung, mức chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số

11/2023/NQ-HĐND ngày 15/9/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Thực hiện Thông báo số 252/TB-VPUBND ngày 30/8/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Lào Cai Thông báo Kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp tiến độ thực hiện các chương trình MTQG và giải ngân xây dựng cơ bản; Trên cơ sở ý kiến tham gia vào dự thảo Hướng dẫn của các đơn vị, địa phương: Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Cục thuế, Ban dân tộc, Kho bạc nhà nước; UBND các huyện, thị xã: Mường Khương, Bảo Thắng, Bát Xát, Bắc Hà, Sa Pa, Si Ma Cai, Bảo Yên. Sở Nông nghiệp & PTNT ban hành hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, như sau:

1. Hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Hướng dẫn thực hiện dự án/phương án phát triển cộng đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện: Nếu các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong hướng dẫn này cơ sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới; trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị kịp thời phản ảnh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng NN/KT các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KH.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Duy

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Kèm theo Văn bản số 2097/SNN-KH ngày04 tháng 10 năm 2023 của Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai)

Phần I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. PHẠM VI THỰC HIỆN VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi thực hiện

Hướng dẫn thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong nông nghiệp theo chuỗi giá trị; hỗ trợ PTSX cộng đồng:

- Nội dung số 1, tiểu dự án 2, dự án số 3 - Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tiểu dự án 1, dự án 3 và dự án 2 - Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

- Nội dung số 02, thành phần số 03 - Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai và thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất nông nghiệp là hỗ trợ có điều kiện cụ thể:

- Thực hiện theo điều 20 Nghị định 27/2022/NĐ - CP (được sửa đổi theo khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

- Hỗ trợ phát triển sản xuất có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị các ngành hàng chủ lực, ngành hàng tiềm năng của tỉnh và các địa phương trong tỉnh; gắn sản xuất với sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, tạo sản phẩm sạch, an toàn, hữu cơ theo các tiêu chuẩn chứng nhận, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, quản lý mã số vùng trồng, hướng đến thị trường xuất khẩu.

III. PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ

1. Đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Ưu

tiên hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thì hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

2. Đối với Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới: Thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

IV. ĐỊNH MỨC KINH TẾ, KỸ THUẬT

Thực hiện theo Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với một số loại cây trồng áp dụng cho dự án, kế hoạch hỗ trợ PTSX thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Văn bản số 1965/SNN-KH ngày 14/10/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện dự án/kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình MTQG.

V. QUẢN LÝ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Chi quản lý dự án

Thực hiện theo quy định Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2. Thẩm quyền thẩm định dự án

Hội đồng thẩm định các cấp theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi điểm b, điểm c, khoản 2, Điều 5 Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, Quy định một số nội dung về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3. Thẩm quyền phê duyệt dự án

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện. Được quy định tại Điều 1 Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi điểm b, điểm c, khoản 2, Điều 5 quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, Quy định một số nội dung về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

VI. CÁC QUY ĐỊNH VỀ THAM CHIẾU

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Hướng dẫn này có điều chỉnh, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Phần II
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT SẢN XUẤT, TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐỊA BÀN

1. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo khoản 1 Điều 19 thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc (được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025).

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 04/2022/TT-BNN ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

3. Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới: Thực hiện theo khoản 2, Điều 1, Thông tư số 05/2022/TT-BNN ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

II. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHÍ HỖ TRỢ

- Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 11/2023/NQ-HĐND ngày 15/9/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

III. NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

- Quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 về Ban hành Quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 15/9/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai

Ban hành Quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Quy định tại Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung, mức chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai về sửa đổi một số khoản tại điều 3 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số nội dung, mức chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài Chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: Các dự án thuộc chương trình (DTMN) quy định tại Điều 4, Điều 11, Điều 12, Điều 40; các dự án thuộc từng chương trình (Giảm nghèo) quy định tại Điều 4, Điều 56, Điều 57, Điều 58; Các dự án thuộc từng chương trình (XDNTM) quy định tại Điều 4, Điều 84, điều 85.

- Các nội dung khác theo hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan và các Văn bản của HĐND, UBND tỉnh.

- Các dự án thuộc từng chương trình MTQG (DTMN, giảm nghèo, XDNTM): nội dung chi phải phù hợp quy định tại các Quyết định, hướng dẫn của chương trình MTQG đó.

IV. LỰA CHỌN DỰ ÁN/KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Thông báo lựa chọn dự án

Cơ quan được giao vốn (chủ đầu tư): Thông báo rộng rãi mục tiêu, nội dung, điều kiện, kinh phí thực hiện… kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.

2. Lập hồ sơ đề xuất dự án

- Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện dự án: Lập hồ sơ đề xuất theo mẫu được quy định tại Khoản 3, Điều 1, Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 15/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh (cụ thể tại Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp).

- Bổ sung phương án mua sắm theo mẫu ở mục III, phần II, phụ lục 1; Hồ sơ năng lực của chủ trì liên kết theo mẫu số 03, phụ lục số 01 tại Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 15/9/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3. Thẩm định dự án

3.1. Đối với dự án cấp huyện làm chủ đầu tư

UBND huyện thành lập Hội đồng thẩm định, theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi điểm b, điểm c, khoản 2, Điều 5 Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, quy định một số nội dung về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3.2. Đối với dự án do các cơ quan đơn vị thuộc tỉnh làm chủ đầu tư

Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập hội đồng thẩm định các dự án về nông nghiệp, theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi điểm b, điểm c, khoản 2, Điều 5 quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, quy định một số nội dung về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3.3. Nội dung thẩm định

Phải đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ – CP của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

4. Quyết định phê duyệt dự án

4.1. Đối với các dự án do cấp huyện làm chủ đầu tư

Chủ tịch UBND huyện phê duyệt hoặc ủy quyền cho thủ trưởng phòng ban trực thuộc phê duyệt, theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi điểm b, điểm c, khoản 2, Điều 5 Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, quy định một số nội dung về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

4.2. Đối với dự án do các cơ quan đơn vị thuộc tỉnh làm chủ đầu tư

Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hoặc ủy quyền cho thủ trưởng các sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt, theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi điểm b, điểm c, khoản 2, Điều 5 Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, quy định một số nội dung về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

4.3. Nội dung quyết định phê duyệt dự án

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ – CP của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

5. Thẩm định giá

Thẩm định giá hàng hóa mua sắm: Căn cứ quyết định phê duyệt dự án, vốn giao hàng năm. Chủ đầu tư đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng thẩm định giá cho các loại hàng hóa cần mua sắm theo quy định tại Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND Quyết định Quy định một số nội dung về thẩm định giá trong trường hợp đi mua, thuê tài sản của nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

6. Phương án mua sắm hàng hóa và giao đầu mối thực hiện phương án mua sắm hàng hóa

Phương án mua sắm hàng hóa và đầu mối thực hiện phương án mua sắm hàng hóa là một nội dung nằm trong dự án: thực hiện theo khoản 2 Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài Chính; Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 15/9/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai.

6.1. Đầu mối mua sắm và hình thức mua sắm

- Trường hợp quyết định dự án giao kinh phí cho chủ trì lên kết thực hiện việc mua sắm: chủ trì liên kết hoặc đồng chủ trì liên kết tự thực hiện việc mua sắm và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án cho đơn vị được giao vốn thực hiện dự án để thanh quyết toán và lưu giữ chứng từ theo quy định.

- Trường hợp quyết định dự án giao cho đơn vị chủ đầu tư (giao vốn) thực hiện mua sắm: thực hiện việc mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu và bàn giao sản phẩm, dịch vụ cho chủ trì liên kết, theo hợp đồng đã ký kết với chủ trì liên kết.

- Đối với mua sắm giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án: Đơn giá thu mua sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

- Trường hợp đơn vị chủ trì liên kết có khả năng cung cấp hàng hóa, vật tư phù hợp với nội dung, hoạt động của dự án: Đơn giá hàng hóa cung cấp cho dự án đảm bảo thấp hơn hoặc bằng so với giá thẩm định của cơ quan có thẩm quyền; Chủ trì liên kết xuất hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho theo quy định.

6.2. Tổ chức mua sắm

- Trường hợp sau khi thẩm định giá, phần ngân sách nhà nước hỗ trợ được phê duyệt tại dự án không đảm bảo mua sắm số lượng hàng hóa đã được phê

duyệt, cơ quan được giao vốn báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án điều chỉnh phần đối ứng của Doanh nghiệp, HTX, hộ tham gia để thực hiện dự án.

- Trường hợp sau khi thẩm định giá, phần ngân sách nhà nước hỗ trợ được phê duyệt tại dự án thừa mua sắm số lượng hàng hóa đã được phê duyệt:

+ Nếu cơ quan được giao vốn muốn tăng quy mô dự án để tương ứng với lượng hàng hóa thì phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án để xem xét điều chỉnh quy mô dự án;

+ Nếu cơ quan được giao vốn không có nhu cầu tăng quy mô dự án thì phần kinh phí thừa sẽ trả lại ngân sách nhà nước theo quy định.

7. Nghiệm thu, thanh toán, giải ngân vốn

- Thực hiện theo quyết định phê duyệt dự án, tiến độ tại hợp đồng được ký kết giữa cơ quan chủ đầu tư và chủ trì liên kết.

- Cơ quan được giao vốn, tổ chức nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tổng thể dự án; thành phần nghiệm thu: Cơ quan được giao vốn (chủ đầu tư), chủ trì liên kết, các hộ tham gia dự án, UBND cấp xã, thôn bản nơi thực hiện dự án, phòng Nông nghiệp/kinh tế, các đơn vị khác có liên quan.

- Thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Đơn vị được giao vốn (chủ đầu tư)

- Thẩm định giá hàng hóa mua sắm: theo quy định tại tiểu mục 5, mục IV, phần II.

- Ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án (nội dung hợp đồng phải đầy đủ các nội dung theo quyết định phê duyệt dự án như khối lượng công việc, tiến độ, chất lượng, thanh quyết toán, kiểm tra giám sát, trách nhiệm của các bên…).

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, đánh giá kết quả triển khai, thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động hỗ trợ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao (nếu có).

- Thanh toán, giải ngân vốn cho các bên theo Hợp đồng ký kết với đơn vị chủ trì liên kết.

- Lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có).

- Phối hợp và chịu sự giám sát, kiểm tra của chủ quản và các cơ quan chức năng của nhà nước.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về phần hỗ trợ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Chủ trì liên kết

- Thành lập Tổ triển khai, thực hiện dự án.

- Ký hợp đồng thực hiện dự án với chủ đầu tư.

- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo hợp đồng được ký kết.

- Tổ chức mua sắm, cấp phát cho các hộ tham gia theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu hoàn thành kết quả thực hiện của các hộ tham gia dự án.

- Phối hợp và chịu sự giám sát, kiểm tra của chủ đầu tư và các cơ quan chức năng của nhà nước.

- Báo cáo tiến độ theo định kỳ, tổng kết dự án hoặc đột xuất (theo yêu cầu của chủ đầu tư).

- Hoàn thiện hồ sơ, chứng từ đề nghị chủ đầu tư quyết toán.

- Lưu giữ hồ sơ, chứng từ và các văn bản có liên quan đến dự án.

- Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo chủ đầu tư (nếu có).

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về phần hỗ trợ sử dụng ngân sách nhà nước

Phần III
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG SẢN XUẤT, TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐỊA BÀN

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo khoản 1 Điều 20 thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc (sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025).

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo Điều 2, Thông tư số 04/2022/TT-BNN ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

II. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHÍ HỖ TRỢ

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP về sửa

đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 11/2023/NQ-HĐND ngày 15/9/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

III. NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

- Quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 về Ban hành Quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 15/9/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Quy định tại Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung, mức chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai về sửa đổi một số khoản tại điều 3 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số nội dung, mức chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Các dự án thuộc chương trình (DTMN) quy định tại điều 4, điều 11, điều 12, điều 40; các dự án thuộc từng chương trình (Giảm nghèo) quy định tại điều 4, điều 56, điều 57, điều 58.

- Các nội dung khác theo hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan và các văn bản của HĐND, UBND tỉnh.

- Các dự án thuộc từng chương trình MTQG (DTMN, giảm nghèo): nội dung chi phải phù hợp với nội dung chi được quy định tại các Quyết định, hướng dẫn của chương trình MTQG đó.

IV. LỰA CHỌN DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ

1. Lập hồ sơ đề xuất dự án, Thành phần và mẫu hồ sơ

Thực hiện theo khoản 4 Điều 14 Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 15/9/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày

19/6/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai).

2. Thẩm định dự án

- Hội đồng thẩm định, nội dung thẩm định, thẩm quyền thẩm định: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ – CP của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

4. Quyết định phê duyệt và nội dung quyết định phê duyệt dự án

- Quyết định phê duyệt dự án, nội dung phê duyệt thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ – CP của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

5. Thẩm định giá

Thẩm định giá hàng hóa mua sắm: Căn cứ quyết định phê duyệt dự án, vốn giao hàng năm. Chủ đầu tư đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng thẩm định giá cho các loại hàng hóa cần mua sắm theo quy định tại Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND Quyết định Quy định một số nội dung về thẩm định giá trong trường hợp đi mua, thuê tài sản của nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

6. Phương án mua sắm hàng hóa và giao đầu mối thực hiện phương án mua sắm hàng hóa

Phương án mua sắm hàng hóa và đầu mối thực hiện phương án mua sắm hàng hóa là một nội dung nằm trong dự án: thực hiện khoản 2 Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài Chính; Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 15/9/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai.

6.1. Đầu mối mua sắm và hình thức mua sắm.

- Trường hợp quyết định giao cho cộng đồng thực hiện việc mua sắm: Người đại diện cộng đồng tự thực hiện việc mua sắm và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án cho đơn vị được giao vốn thực hiện dự án để thanh quyết toán và lưu giữ chứng từ theo quy định;

- Trường hợp quyết định dự án giao cho đơn vị chủ đầu tư (giao vốn) thực hiện mua sắm: thực hiện việc mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu và bàn giao sản phẩm, dịch vụ cho chủ trì liên kết, theo hợp đồng đã ký kết với chủ trì liên kết.

- Đối với mua sắm giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án: Đơn giá thu mua sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

6.2. Tổ chức mua sắm

- Trường hợp sau khi thẩm định giá, phần ngân sách nhà nước hỗ trợ được phê duyệt tại dự án không đảm bảo mua sắm số lượng hàng hóa đã được phê duyệt, cơ quan được giao vốn báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án điều chỉnh phần đối ứng của cộng đồng, hộ tham gia để thực hiện dự án.

- Trường hợp sau khi thẩm định giá, phần ngân sách nhà nước hỗ trợ được phê duyệt tại dự án thừa mua sắm số lượng hàng hóa đã được phê duyệt:

+ Nếu cơ quan được giao vốn muốn tăng quy mô dự án để tương ứng với lượng hàng hóa thì phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án để xem xét điều chỉnh quy mô dự án;

+ Nếu cơ quan được giao vốn không có nhu cầu tăng quy mô dự án thì phần kinh phí thừa sẽ trả lại ngân sách nhà nước theo quy định.

7. Thành lập Tổ hợp tác, Tổ nhóm cộng đồng thực hiện dự án

- Thành lập Tổ hợp tác: thực hiện theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác.

- Thành lập Tổ nhóm cộng đồng: vận dụng thực hiện theo quy định thành lập tổ hợp tác (có biên bản họp cộng đồng thống nhất và cử đại diện).

- Tổ nhóm cộng đồng mở tài khoản đồng sở hữu tại hệ thống ngân hàng (tài khoản đồng sở hữu ít nhất có 03 người).

8. Thanh toán, giải ngân vốn

- Thực hiện theo quyết định phê duyệt dự án; kết quả nghiệm thu, thanh toán từng giai đoạn.

- Cơ quan được giao vốn, tổ chức nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tổng thể dự án; thành phần nghiệm thu: Cơ quan được giao vốn (chủ đầu tư), đại diện cộng đồng, các hộ tham gia dự án, UBND cấp xã, thôn bản nơi thực hiện dự án, phòng Nông nghiệp/kinh tế, các đơn vị khác có liên quan.

- Đơn vị được giao vốn (chủ đầu tư) thực hiện thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho cộng đồng. Khi thực hiện thanh toán thông báo đến UBND xã để phối hợp kiểm tra, giám sát (trường hợp UBND xã không phải là đơn vị được giao vốn).

- Thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Đơn vị được giao vốn (chủ đầu tư)

- Thẩm định giá hàng hóa mua sắm: theo quy định tại tiểu mục 5, mục IV, phần II.

- Ký hợp đồng với cộng đồng thực hiện dự án (nội dung hợp đồng phải đầy đủ các nội dung theo quyết định phê duyệt dự án như khối lượng công việc, tiến độ, chất lượng, thanh quyết toán, kiểm tra giám sát, trách nhiệm của các bên…).

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, đánh giá kết quả triển khai, thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động hỗ trợ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao (nếu có).

- Thanh toán, giải ngân vốn cho các bên theo Hợp đồng ký kết với cộng đồng.

- Lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có).

- Phối hợp và chịu sự giám sát, kiểm tra của chủ quản và các cơ quan chức năng của nhà nước.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về phần hỗ trợ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Tổ nhóm cộng đồng

- Thành lập Tổ, nhóm cộng đồng.

- Ký hợp đồng thực hiện dự án với chủ đầu tư.

- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo hợp đồng được ký kết.

- Tổ chức mua sắm, cấp phát cho các hộ tham gia theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu hoàn thành kết quả thực hiện của các hộ tham gia dự án.

- Phối hợp và chịu sự giám sát, kiểm tra của chủ đầu tư và các cơ quan chức năng của nhà nước.

- Báo cáo tiến độ theo định kỳ, tổng kết dự án hoặc đột xuất (theo yêu cầu của chủ đầu tư).

- Hoàn thiện hồ sơ, chứng từ đề nghị chủ đầu tư quyết toán.

- Lưu giữ hồ sơ, chứng từ và các văn bản có liên quan đến dự án.

- Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo chủ đầu tư (nếu có).

- Lập sổ theo dõi và thực hiện thu hồi, lập kế hoạch sử dụng vốn quay vòng theo quy định tại Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn bằng tiền hoặc hiện vật thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về phần hỗ trợ sử dụng ngân sách nhà nước.

Phần IV
MẪU HỒ SƠ, CHỨNG TỪ THANH QUYẾT TOÁN DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN

Các chủ đầu tư, chủ trì liên kết, tổ cộng đồng tham khảo các mẫu sau để thống nhất thực hiện (Tùy theo điều kiện thực tế bổ sung thêm các nội dung theo yêu cầu của mỗi địa phương và của trung ương).

1	Hợp đồng thực hiện dự án	mẫu 01
2	Biên bản bàn giao vật tư	mẫu 02
3	Danh sách cấp phát	mẫu 03
4	Bảng xác định khối lượng đối ứng	mẫu 04
5	Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	mẫu 05
6	Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng	mẫu 06

<u>Mẫu số 01:</u> Hợp đồng thực hiện dự án

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN
Dự án……thuộc Chương trình MTQG.....

Số: /HĐ/20…..

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Quyết định số……. của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình MTQG ……..((dự án thuộc chương trình nào thì điền Quyết định của chương trình đó)

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số …… của …….. về việc……..…… (dự án thuộc chương trình nào thì điền thông tư của chương trình đó)

Căn cứ thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày tháng năm 20…của UBND tỉnh (UBND huyện…..)về việc phê duyệt dự án hỗ trợ PTSX liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình MTQG…….năm 20….

Căn cứ……..

Trên cơ sở nhu cầu công việc và khả năng thực hiện của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 20…, chúng tôi gồm có:

Bên A (đơn vị được giao vốn):.....

Đại diện: Ông/bà…….Chức vụ: ……..

Địa chỉ: …….

Điện thoại: ……..

Tài khoản: ……. tại Kho bạc Nhà nước huyện……

Mã ĐVQHNS: …….

Mã số thuế: ……

Bên B (Tổ chức chủ trì liên kết dự án hoặc cộng đồng): ……

Đại diện: …….Chức vụ:…….

Số CCCD:……

Địa chỉ:…….

Điện thoại: …….

Tài khoản:……tại Ngân hàng……..

(Đối với cộng đồng có danh sách kèm theo)

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thực hiện Dự án……thuộc Chương trình MTQG……như sau:

Điều 1. Nội dung công việc:

Bên A giao bên B thực hiện dự án "……" với các nội dung cụ thể như sau:

1. ……

2……..

(Ghi đầy đủ các nội dung trong Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền và các khối lượng, tiến độ… thuyết minh dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

- Thời gian thực hiện dự án là …… tháng, từ tháng …… năm 20…… đến tháng …… năm 20……

- Tiến độ thực hiện

Số TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Kết quả	Kinh phí theo QĐ phê duyệt
1	Nội dung 1				
2	Nội dung 2				
3	Nội dung 3….				

Điều 3. Kinh phí thực hiện dự án

1. Tổng kinh phí thực hiện dự án là ……(Bằng chữ ……), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: ……(Bằng chữ ……) trong đó vốn đầu tư: ……(Bằng chữ) và vốn sự nghiệp ……(Bằng chữ).

- Vốn vay tín dụng chính sách: …… (Bằng chữ ……)

- Kinh phí từ nguồn khác (ghi cụ thể nguồn vốn của chủ trì liên kết, hộ tham gia dự án…): …… (Bằng chữ ……).

Giá trị hợp đồng: ……..... (Bằng chữ ……)

2. Tiến độ tạm ứng:

Số TT	Đợt	Kinh phí tạm ứng *(triệu đồng)*	Thời gian tạm ứng
1	Đợt 1		
2	Đợt 2		
3	Đợt ...		

Lưu ý: Bên tạm ứng hoàn thành nội dung đã tạm ứng đợt 1 (có khối lượng nghiệm thu) mới thực hiện tạm ứng đợt 2 (đợt tiếp theo).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

- Chịu trách nhiệm kết quả cần phải đạt của dự án.

- Chỉ đạo, hướng dẫn bên B thực hiện dự án.

- Tổ chức nghiệm thu và giải ngân cho bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung thuyết minh dự án được phê duyệt;

- Trước mỗi đợt cấp kinh phí tiếp theo, bên A tiến hành xem xét và khẳng định kết quả đạt được theo tiến độ thực hiện nêu trong thuyết minh dự án và Phụ lục kèm theo trong Hợp đồng. Nếu bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, thì Bên A có thể kiến nghị điều chỉnh tiến độ cấp hoặc ngừng việc cấp kinh phí.

- Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình thực hiện Dự án;

- Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện dự án;

- Trong quá trình thực hiện dự án, nếu Bên B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc có hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến tiến độ và kết quả của dự án thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và kiến nghị với cấp có thẩm quyền về việc dừng thực hiện dự án hoặc thay đổi Tổ chức chủ trì liên kết, Thành viên liên kết, Tổ chức hỗ trợ công nghệ của dự án.

- Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh (lập biên bản để lưu vào hồ sơ của hai bên).

- Có trách nhiệm cùng bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

- Các nội dung khác theo quy định của từng Chương trình và cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quy định.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung, hoạt động của Dự án đảm bảo tiến độ, hiệu quả và đúng theo dự toán đã được phê duyệt;

- Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

- Yêu cầu Bên A tạm ứng, cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm Bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

- Xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện dự án; mua sắm hàng hóa (máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu...) theo quyết định dự án;

- Tạm ứng kinh phí để triển khai một số nội dung trong dự toán được phê duyệt.

- Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với dự án theo quy định của pháp luật;

- Ký hợp đồng với các thành viên liên kết, đơn vị cung cấp hàng hóa trước khi cấp kinh phí đợt 01 của dự án.

- Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

- Báo cáo cho bên A tiến độ và kết quả thực hiện hợp đồng:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của từng Chương trình và cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quy định; theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 5. **Nghiệm thu thanh toán và Thanh lý hợp đồng:**

- Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ

- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản

- Cơ sở thanh lý hợp đồng là các biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng và đánh giá kết quả thực hiện tại cơ sở trực tiếp thực hiện dự án được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận (Đơn vị quản lý dự án, Tổ chức chủ trì liên kết, UBND xã, đại diện thôn (bản) nơi triển khai dự án, đại diện hộ dân tham gia dự án).

- Các chứng từ thanh toán thực hiện theo qui định hiện hành. Hợp đồng được thanh lý sau khi kết thúc thực hiện hợp đồng và nghiệm thu, thanh toán (chỉ quyết toán khi dự án được nghiệm thu đạt yêu cầu).

Điều 6. Giao nhận sản phẩm

- Khi kết thúc dự án, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A lưu trữ 01 bộ chứng từ Photocopy (có đóng dấu treo của Bên B) kèm theo Báo cáo tổng kết, biên bản nghiệm thu khối lượng, Báo cáo quyết toán kinh phí của dự án....

- các sản phẩm khác (nếu có)

Điều 7. Chấm dứt Hợp đồng: Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Dự án đã kết thúc và được nghiệm thu.

- Bên B bị đình chỉ thực hiện dự án theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 8. Điều khoản chung

- Trường hợp gặp rủi ro bất khả kháng (thiên tai, địch họa hoặc các yếu tố bất ngờ khác) hai bên cùng nhau xem xét, đánh giá tình hình thiệt hại và tìm biện pháp giải quyết để hạn chế gây thiệt hại cho các bên tham gia thực hiện hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề mới phát sinh thì hai bên chủ động thương lượng giải quyết, nếu không giải quyết được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Điều 9. **Điều khoản thi hành:**

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng được lập thành ….. bản có giá trị như nhau, bên A giữ ….. bản, bên B giữ …… bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Ký, đóng dấu)	(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 02: Biên bản bàn giao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN
(…….. ghi rõ giao nhận vật tư gì)

Hôm nay, ngày … tháng …. năm 20….tại xã ……

I. Thành phần tham gia giao nhận gồm:

1. Đại diện đơn vị được giao vốn

Ông: ..... Chức vụ: .....

Ông: ..... Chức vụ: .....

2. Đại diện Tổ chức chủ trì liên kết/cộng đồng thực hiện dự án:

Ông: ..... Chức vụ: .....

Ông: ..... Chức vụ: .....

3. Đại diện đơn vị cung cấp:.....

Ông ..... Chức vụ: .....

4. Đại diện UBND xã:.....

Ông ..... Chức vụ: .....

II. Nội dung:

Số lượng:.....

Quy cách chất lượng.....

III. Các ý kiến khác:

Biên bản giao nhận được thông qua các bên liên quan và cùng ký xác nhận để làm căn cứ triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án./.

Đại diện Tổ chức chủ trì liên kết/ cộng đồng *(Ký tên, đóng dấu)*	**Đại diện đơn vị được giao vốn**	**Đại diện UBND xã.....** *(Ký tên, đóng dấu)*	**Đại diện đơn vị cung cấp** *(Ký tên, đóng dấu)*

<u>Mẫu số 03:</u> danh sách cấp phát

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP PHÁT ……..(ghi rõ tên vật tư cấp)
Thời gian cấp phát……/……/……

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số lượng	Đơn vị	Tương ứng số tiền (đồng)	Ký nhận

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã.....
(Ký tên, đóng dấu)

Tổ chức chủ trì liên kết dự án
(Ký tên, đóng dấu)

<u>Mẫu số 04:</u> Bảng xác định khối lượng đối ứng thực hiện dự án

BẢNG XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN DỰ ÁN

Ngày.....tháng……năm 20…

TT	Họ tên	Nội dung đối ứng	Thành tiền	Ký nhận của hộ dân
1				
2				
3				
4				
5				
TỘNG CỘNG				

Bằng chữ:……..

Người lập	**Đại diện UBND xã.....**	**Tổ chức chủ trì liên kết dự án**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

<u>Mẫu số 05:</u> Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH
Nội dung …….. thuộc dự án……

Căn cứ Quyết định số…..phê duyệt dự án……

Căn cứ Hợp đồng số …./HĐ/20… ngày …./…/….ký kết giữa *(đơn vị quản lý dự án)* với *(Tổ chức chủ trì liên kết dự án)* về việc thực hiện dự án……*";*

Hôm nay, ngày tháng năm 20…… tại ……, chúng tôi gồm có:

I. ĐOÀN CÔNG TÁC, NGHIỆM THU GỒM CÁC THÀNH VIÊN:

1. Đại diện (đơn vị giao vốn):.....

- Ông:…….Chức vụ:……
- Ông:…….Chức vụ:……

2. Đại diện phòng Kinh tế/nông nghiệp cấp huyện

- Ông:…….Chức vụ:……
- Ông:…….Chức vụ:……

3. Đại diện UBND xã, phường (nơi có dự án)

- Ông:…….Chức vụ:……
- Ông:…….Chức vụ:……

4. Đại diện: Tổ chức chủ trì liên kết/cộng đồng thực hiện dự án

- Ông:…….Chức vụ:……
- Ông:…….Chức vụ:……

5. Đại diện hộ dân:

- Ông: ……
- Ông:…….
- Ông: ……

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA NGHIỆM THU

1. Nội dung nghiệm thu

a. Tài liệu căn cứ để nghiệm thu:

- Hợp đồng phối hợp thực hiện số …../HĐ/20… giữa *(đơn vị quản lý dự án)* với *(Tổ chức chủ trì liên kết dự án)* về việc thực hiện dự án……"

- Các hồ sơ chứng từ mua bán, biên bản, giao nhận, danh sách cấp phát….

- Báo cáo tổng kết dự án của ……ngày tháng năm 20...

b) Khối lượng

TT	Nội dung	ĐVT	Khối lượng	Tăng giảm so với hợp đồng	Ghi chú

	Tổng cộng				

c. Kinh phí:

TT	Nội dung	ĐVT	số tiền	Tăng giảm so với hợp đồng	Ghi chú
	Tổng cộng				

D: các nội dung khác

c) Kết luận

Kết luận phải đánh giá được mức độ ảnh hưởng của dự án đến kinh tế, xã hội, môi trường, tỷ lệ giảm nghèo và các các nội dung theo quyết định phê duyệt dự án.

- Biên bản được các bên nhất trí thông qua và lập thành 10 bản, có giá trị như nhau./.

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ GIAO VỐN(CHỦ ĐẦU TƯ)
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT/CỘNG ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN TRƯỞNG CÁC THÔN/BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN HỘ THAM GIA DỰ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN
UBND XÃ….
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN
PHÒNG KT/NN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06: Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện dự án

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - hạnh phúc

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số: /TLHĐ/20…..

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Quyết định số……. của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình MTQG ……..((dự án thuộc chương trình nào thì điền Quyết định của chương trình đó)

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số …… của …….. về việc……..…… (dự án thuộc chương trình nào thì điền thông tư của chương trình đó)

Căn cứ thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-UBND ngày tháng năm 20…của UBND tỉnh (UBND huyện…..)về việc phê duyệt dự án hỗ trợ PTSX liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình MTQG…….năm 20….

Căn cứ……..

Căn cứ Hợp đồng số …./HĐ/20… ngày ……. về việc thực hiện Dự án……..

Hôm nay, ngày tháng năm 20…, chúng tôi gồm có:

Bên A (Đơn vị quản lý dự án):.....

Đại diện: Ông/bà…….Chức vụ: ……..

Địa chỉ: …….

Điện thoại: ……..

Tài khoản: ……. tại Kho bạc Nhà nước huyện……

Mã ĐVQHNS: …….

Mã số thuế: ……

Bên B (Tổ chức chủ trì liên kết dự án): ……

Đại diện: …….Chức vụ:…….

Số CCCD:……

Địa chỉ:…….

Điện thoại: …….

Tài khoản:……tại Ngân hàng……..

Căn cứ kết quả tổ chức triển khai và thực hiện dự án……., báo cáo kết quả đạt được và sau khi kiểm tra chứng từ chi tiêu, hai bên thống nhất nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng phối hợp thực hiện số …./HĐ/20… ngày ……. như sau:

1. Về khối lượng thực hiện:

Số TT	Nội dung công việc	Khối lượng thực hiện	Tỷ lệ khối lượng thực hiện so với HĐ	Ghi chú
1				
2				
3				

2. Sản phẩm giao nhận (nếu có)

3. Về giá trị thực hiện:

TT	**Nội dung**	**Kinh phí dự toán duyệt (đồng)**	**Số kinh phí thực hiện (đồng)**	**Số kinh phí chấp thuận thanh toán (đồng)**	**Chênh lệch**
1					
2					
3					
4					
5					
6					

	Tổng cộng				

Thuyết minh tăng giảm: Các khoản chi thực hiện đúng theo dự toán được duyệt, không có phát sinh tăng, giảm…

4. giá trị thanh lý hợp đồng

- Số tiền theo Hợp đồng là: **……** đồng *(Bằng chữ:……..)*

- Số chấp thuận thanh toán là: ……đồng

- Đã chuyển cho bên B số tiền: ……. đồng

- Còn lại: ……đồng

Sau khi bên A chuyển hết số tiền còn thiếu cho bên B thì Hợp đồng được thanh lý và hết hiệu lực.

Biên bản nghiệm thu và thanh lý này được lập thành 08 bản, mỗi bên giữ 04 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**